CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Viễn thông FPT

Ngày 31/03/2025	91,200 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-5.7%	**-0.7%**	**8.3%**

DT thuần
Q1/25
4,582
tỷ VNĐ
QoQ: ▼229| -4.8%
YoY: ▲ 570| 14.2%

LN thuần
Q1/25
958
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 36.0| 3.9%
YoY: ▲ 138| 16.8%

LN sau thuế
Q1/25
773
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 36.0| 4.9%
YoY: ▲ 113| 17.1%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/25
22.6%
YoY: +/-▲ 2.1%

ROE (TTM)
Q1/25
30.4%
YoY: +/-▲ 2.0%

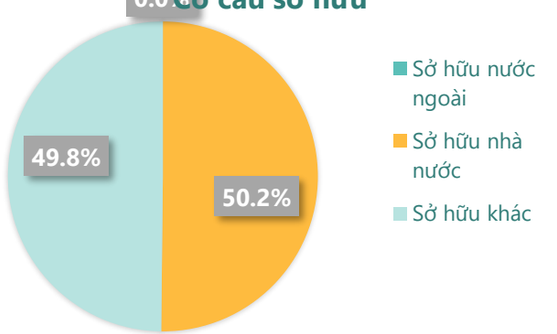
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	52,143 - 108,079
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	44,917
Số lượng CPLH (CP)	492,509,164
KLGD BQ 20 phiên (CP)	126,315
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	1.00
EPS	5,918
P/E	15.4

DT thuần
2024
17,610
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1,804| 11.4%

LN thuần
2024
3,633
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 598| 19.7%

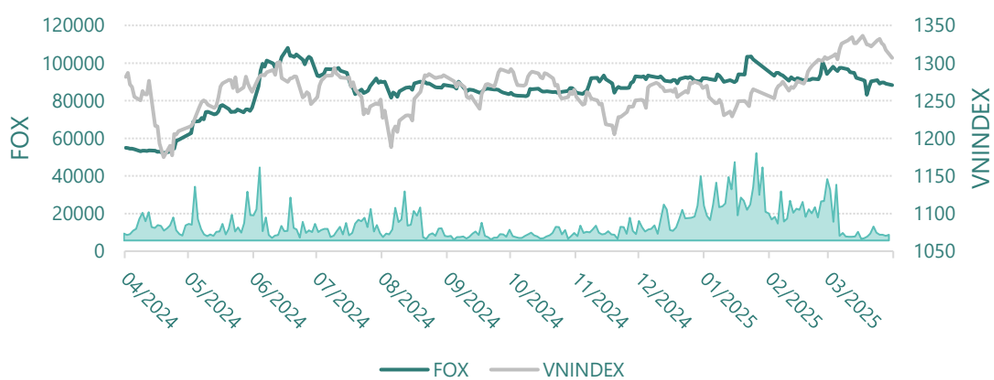
LN sau thuế
2024
2,861
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 427| 17.6%

Cơ cấu sở hữu

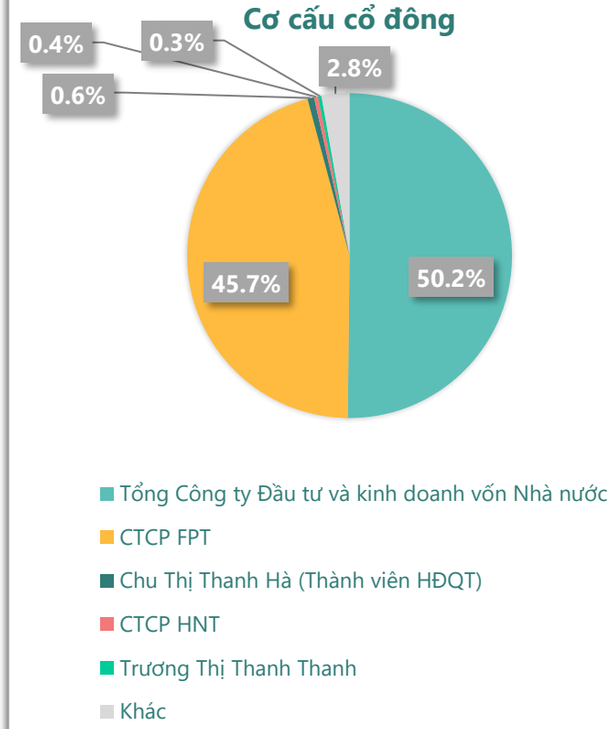


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



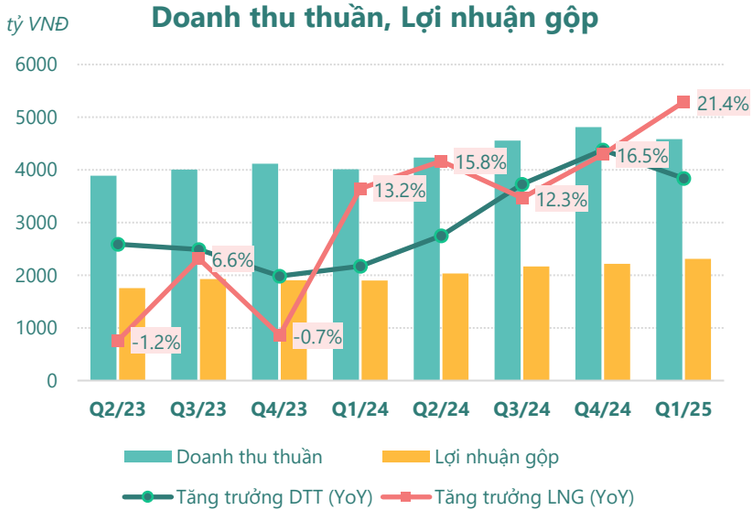
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

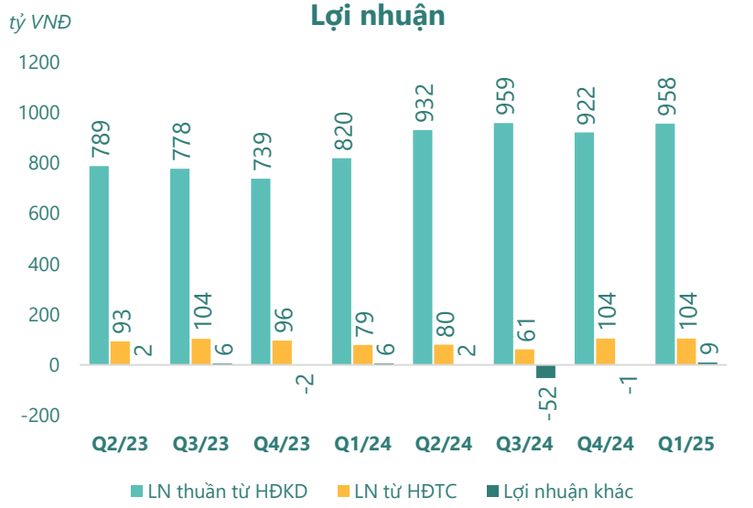
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



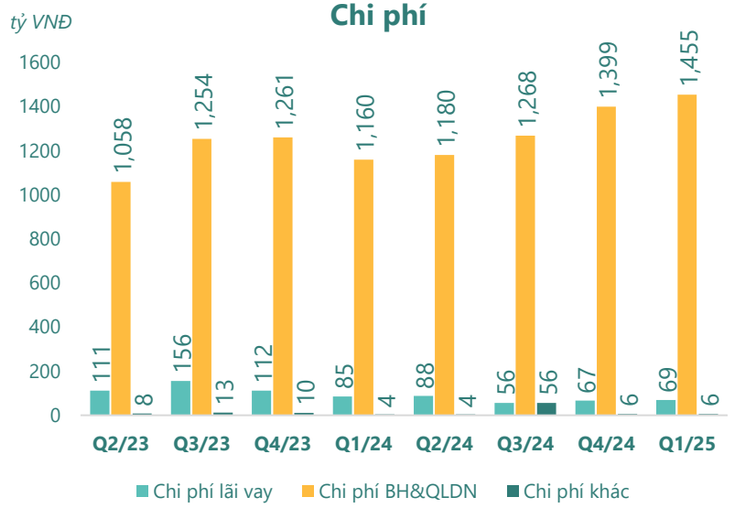
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



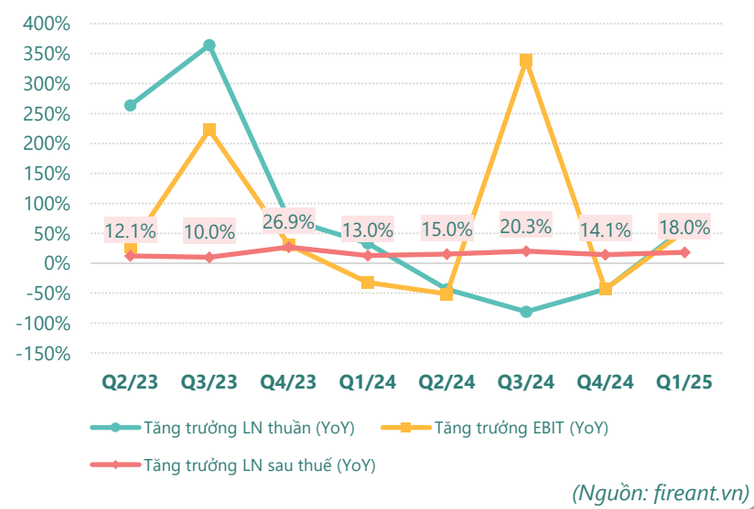
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



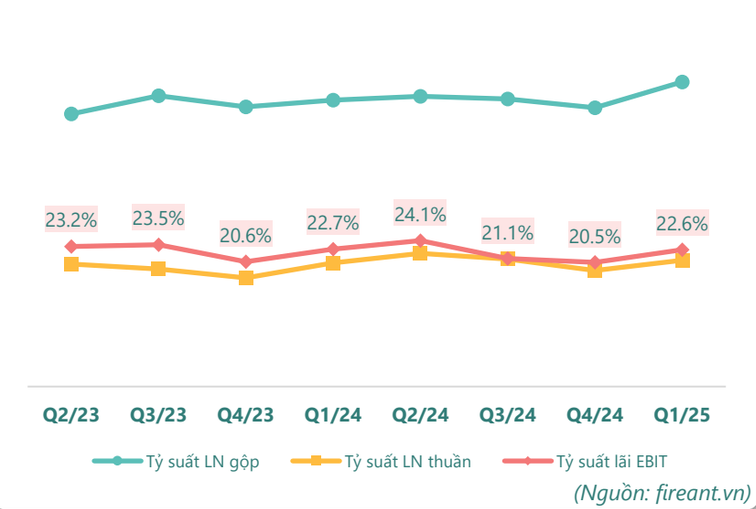
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



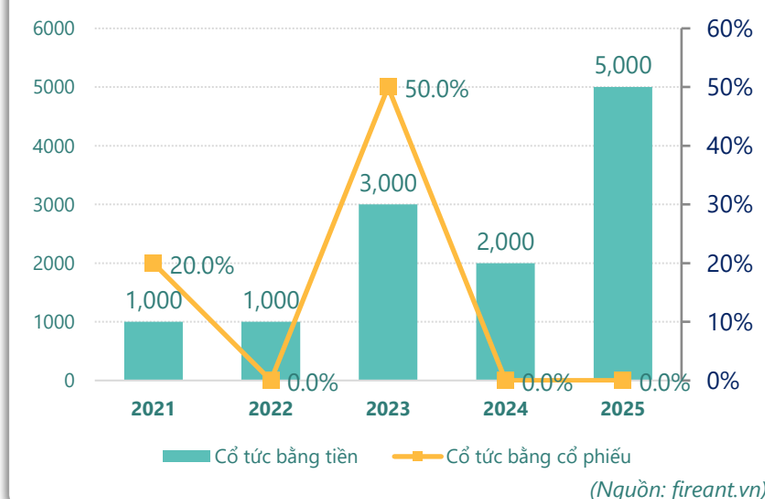
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

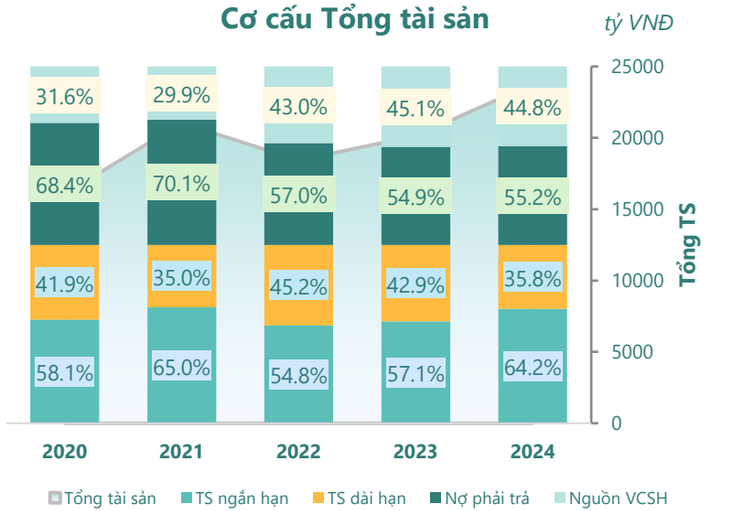
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

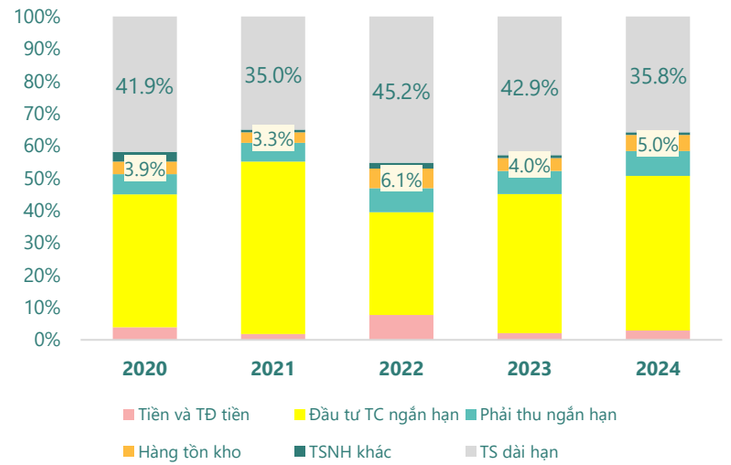
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



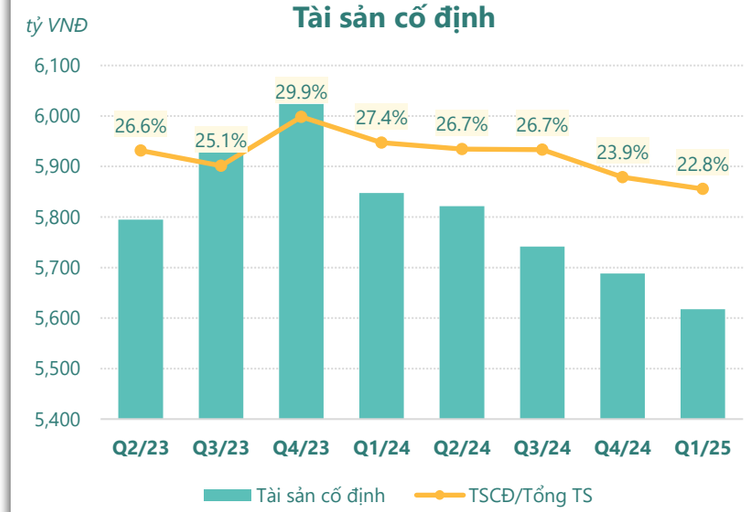
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



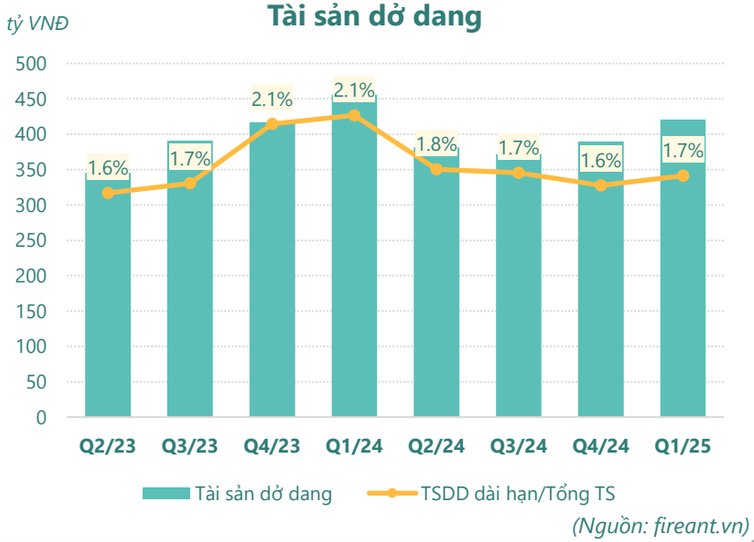
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



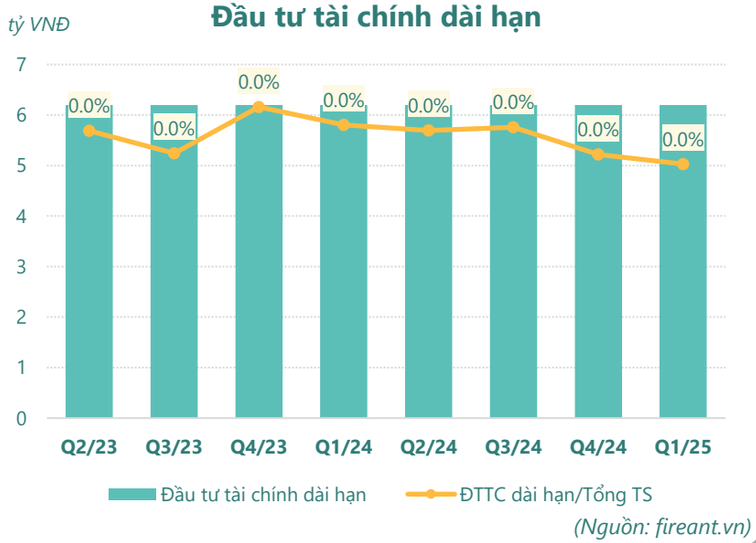
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



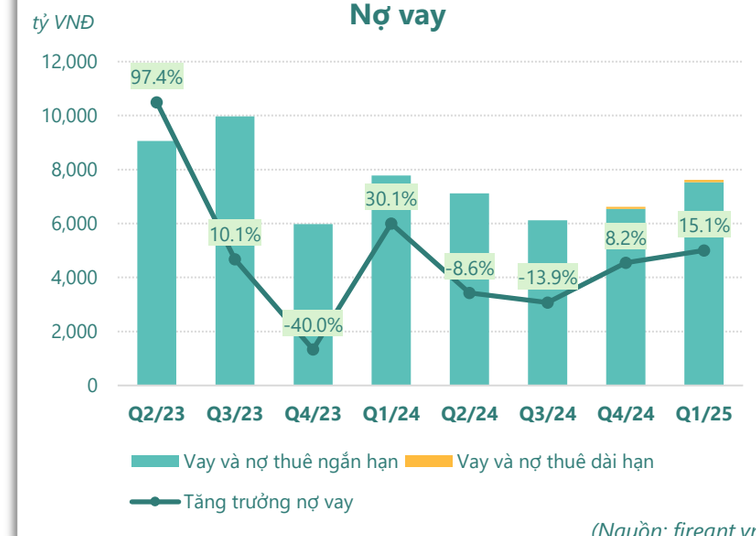
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

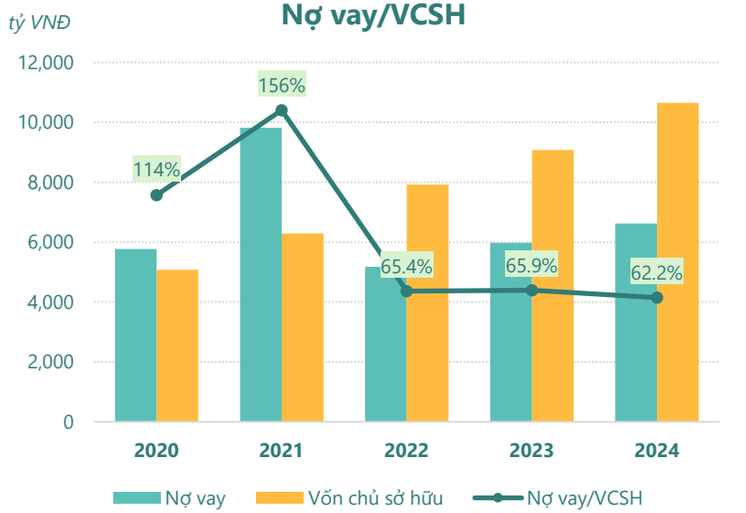
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

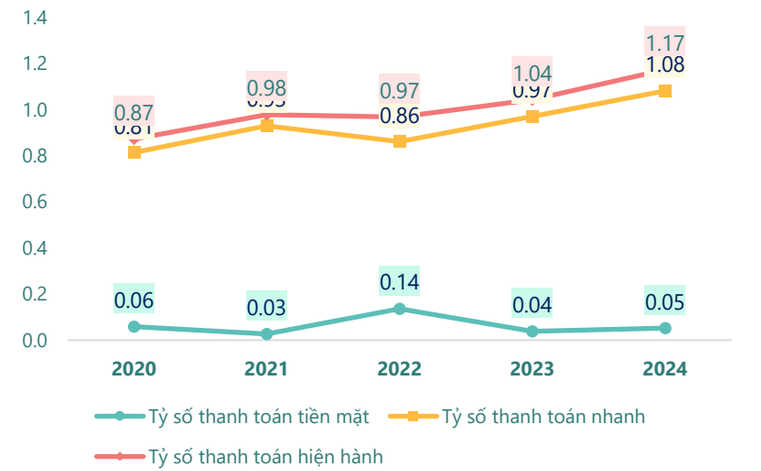
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



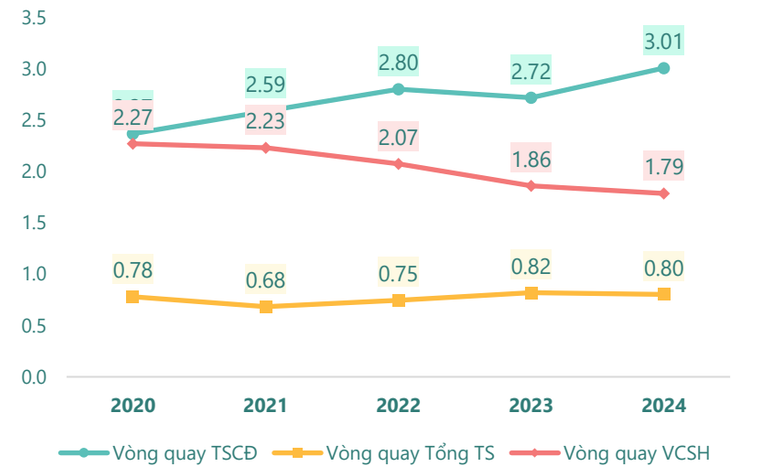
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



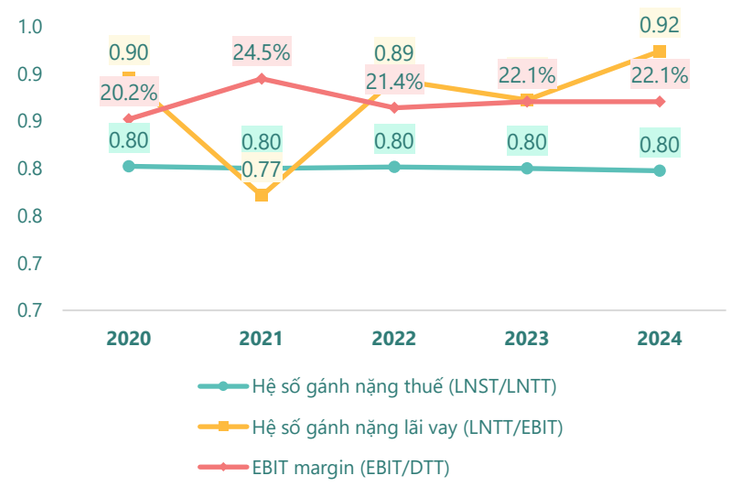
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



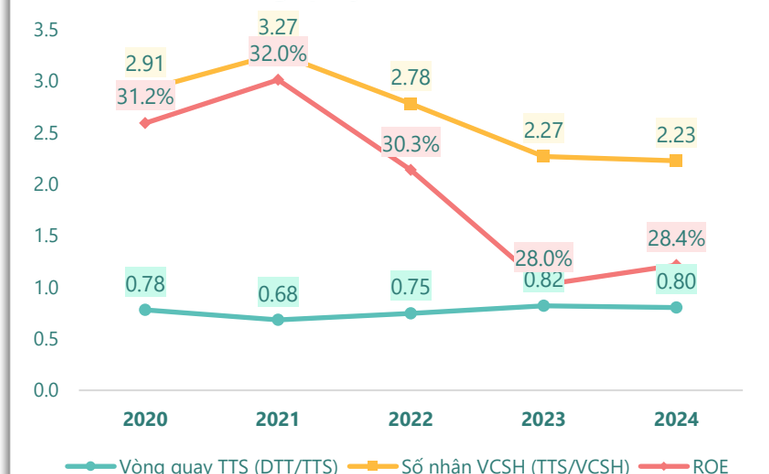
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



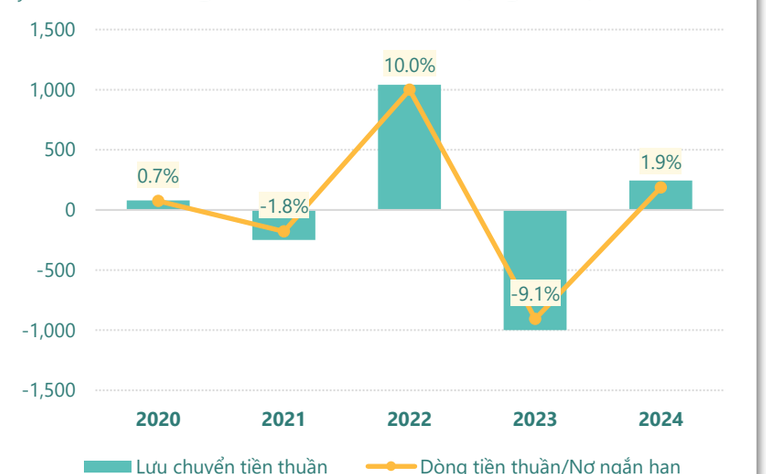
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**4,582**	**4,012**	**14.2%**	**17,610**	**15,806**	**11.4%**
Giá vốn hàng bán	2,274	2,112	7.7%	9,295	8,541	8.8%
Lợi nhuận gộp	2,308	1,901	21.4%	8,316	7,265	14.5%
Doanh thu HĐTC	180	172	4.6%	659	849	-22.3%
Chi phí TC	75.6	93.1	-18.8%	334	480	-30.3%
Chi phí lãi vay	68.9	85.2	-19.1%	296	445	-33.6%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	845	615	37.4%	2,857	2,330	22.6%
Chi phí QLDN	**610**	**545**	**11.9%**	**2,151**	**2,270**	**-5.3%**
LN thuần từ HĐKD	958	820	16.8%	3,633	3,035	19.7%
Lợi nhuận khác	**8.92**	**5.54**	**61.0%**	**-45.7**	**7.54**	**-706%**
LN trước thuế	967	826	17.0%	3,588	3,042	17.9%
Lợi nhuận sau thuế	**773**	**660**	**17.1%**	**2,861**	**2,434**	**17.6%**
LNST của CĐ cty mẹ	**765**	**653**	**17.1%**	**2,803**	**2,383**	**17.6%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	892	588	1,155	651	1,432	-184
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	3,277	-1,530	-463	519	-1,745	-1,089
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-3,974	827	-645	-1,048	502	997
Tiền đầu kỳ	230	424	313	364	475	679
Lưu chuyển tiền thuần	**194**	**-115**	**46.4**	**122**	**189**	**-275**
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.23	3.66	4.96	-12.0	15.2	3.14
Tiền cuối kỳ	424	313	364	475	679	407

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**24,663**	**23,768**	**3.8%**
Tài sản ngắn hạn	16,151	15,257	5.9%
Tiền và tương đương tiền	407	679	-40.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	12,286	11,377	8.0%
Phải thu ngắn hạn	1,988	1,815	9.5%
Hàng tồn kho	1,219	1,196	1.9%
Tài sản ngắn hạn khác	250	190	31.8%
Tài sản dài hạn	**8,512**	**8,511**	**0.0%**
Phải thu dài hạn	23.8	25.9	-8.3%
Tài sản cố định	5,618	5,688	-1.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	421	390	8.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	6.20	6.20	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**2,444**	**2,401**	**1.8%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	14,229	13,122	8.4%
Nợ ngắn hạn	**14,106**	**13,000**	**8.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	7,535	6,541	15.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	1,457	1,541	-5.5%
Nợ dài hạn	123	122	1.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	85.7	81.8	4.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**10,434**	**10,646**	**-2.0%**
Vốn chủ sở hữu	**10,434**	**10,646**	**-2.0%**
Vốn điều lệ	4,925	4,925	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)